

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2015

Tháng 10 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	995	1015	20	12.870	257.400	
102	8	555	572	17	12.870	218.790	
103	8	691	708	17	12.870	218.790	
104	8	441	469	28	12.870	360.360	
105	Phòng trực	803			12.870	0	
106	8	729	742	13	12.870	167.310	
107	PSHC	649			12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	472	489	17	12.870	218.790	
110	8	514	532	18	12.870	231.660	
111	8	648	667	19	12.870	244.530	
112	8	448	479	31	12.870	398.970	
113	8	454	473	19	12.870	244.530	
114	8	348	365	17	12.870	218.790	
201	8	1124	1149	25	12.870	321.750	
202	8	950	972	22	12.870	283.140	
203	8	818	842	24	12.870	308.880	
204	8	825	849	24	12.870	308.880	
205	8	706	718	12	12.870	154.440	
206	8	701	721	20	12.870	257.400	
207	8	716	743	27	12.870	347.490	
208	8	730	743	13	12.870	167.310	
209	8	593	608	15	12.870	193.050	
210	8	471	490	19	12.870	244.530	
211	8	623	641	18	12.870	231.660	
212	8	534	547	13	12.870	167.310	
213	8	629	649	20	12.870	257.400	
214	8	662	686	24	12.870	308.880	
301	8	670	694	24	12.870	308.880	
302	8	584	598	14	12.870	180.180	
303	8	595	612	17	12.870	218.790	
304	8	581	596	15	12.870	193.050	
305	8	565	577	12	12.870	154.440	
306	8	601	621	20	12.870	257.400	
307	PSHC			0	12.870	0	
308				0	12.870	0	
309	8	521	533	12	12.870	154.440	
310	8	508	522	14	12.870	180.180	

311	8	517	546	29	12.870	373.230
312	8	554	566	12	12.870	154.440
313	8	612	632	20	12.870	257.400
314	8	547	564	17	12.870	218.790
401	8	546	560	14	12.870	180.180
402	8	451	476	25	12.870	321.750
403	8	449	472	23	12.870	296.010
404	8	401	422	21	12.870	270.270
405	8	406	416	10	12.870	128.700
406	8	452	468	16	12.870	205.920
407	8	512	523	11	12.870	141.570
408	7	715	729	14	12.870	180.180
409	8	401	416	15	12.870	193.050
410	8	556	575	19	12.870	244.530
411	8	416	427	11	12.870	141.570
412	8	420	431	11	12.870	141.570
413	8	474	503	29	12.870	373.230
414	8	496	504	8	12.870	102.960
501	7	293	307	14	12.870	180.180
502	8	417	434	17	12.870	218.790
503	7	674	688	14	12.870	180.180
504	8	436	459	23	12.870	296.010
505	8	473	487	14	12.870	180.180
506	8	318	333	15	12.870	193.050
507	8	478	494	16	12.870	205.920
508	8	409	423	14	12.870	180.180
509	7	405	439	34	12.870	437.580
510	8	370	383	13	12.870	167.310
511	8	246	282	36	12.870	463.320
512	8	330	349	19	12.870	244.530
513	8	277	292	15	12.870	193.050
514	8	245	255	10	12.870	128.700
Cộng	516			1.179		15.173.730

(Bằng chữ: Mười năm triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà